

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng ☒
Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Sinh học phân tử và Công nghệ sinh học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Chu Hoàng Hà**

2. Ngày tháng năm sinh: 17/4/1969; Nam ☒, Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;
Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng CSVN: ☒

4. Quê quán: Phường Thị Cầu, Thị xã Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 9 Đội Cung, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Viện Công nghệ sinh học, 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0912 175636, E-mail: chuhoangha@ibt.ac.vn

7. Quá trình công tác

Từ năm 1992 đến năm 1997: Nghiên cứu viên Viện Công nghệ sinh học

Từ năm 1997 đến năm 2001: Nghiên cứu sinh Viện IPK, Gatersleben, CHLB Đức

Từ năm 2001 đến năm 2003: Postdoc Viện IPK, Gatersleben và Đại học Tổng hợp Karlsruhe, CHLB Đức

Từ năm 2004 đến 2007: Phó Trưởng phòng Công nghệ tế bào thực vật (2005), Viện Công nghệ sinh học; Giảng viên kiêm nhiệm Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội (2005)

Từ năm 4/2007 – 5/2012: Phó giám đốc PTNTĐ Công nghệ gen (2009), nghiên cứu viên chính (2010), trưởng phòng CNTBT (2010)

Từ 6/2012 – 4/2014: Phó viện trưởng, Giám đốc PTNTĐ Công nghệ gen

Từ 5/2014-nay Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học (2014); Giảng viên kiêm nhiệm, Trưởng khoa CNSH, Học viện KH & CN (2015); Nghiên cứu viên cao cấp (2018)

Từ 5/2020- nay Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Chức vụ: Hiện nay là Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Công nghệ sinh học, Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: Nhà A10, 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 38362599

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Học viện Khoa học và Công nghệ, Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội II

Giảng viên thỉnh giảng: Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam.

8. *Đã nghỉ hưu:* chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. *Trình độ đào tạo:*

- Được cấp bằng ĐH ngày 26 tháng 6 năm 1992 Thuộc ngành: Sinh học, chuyên ngành: Sinh hóa. Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (cũ) nay là Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 11 năm 2001 Thuộc ngành: Sinh học, chuyên ngành: Sinh học phân tử. Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Tổng hợp Martin-Luther Halle-Wittenberg, Halle và Viện Di truyền thực vật và nghiên cứu cây trồng (IPK) Gatersleben, CHLB Đức

10. *Đã được công nhận chức danh PGS* ngày 9 tháng 11 năm 2010, ngành: Sinh học

11. *Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HĐGS cơ sở:* Học viện KH&CN

12. *Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HĐGS ngành:* Sinh học

13. *Các hướng nghiên cứu chủ yếu:*

- Ứng dụng công nghệ gen trong nghiên cứu và cải tiến giống cây trồng
- Nghiên cứu phát triển vaccine công nghệ mới
- Ứng dụng các kỹ thuật mới Omics trong khai thác đa dạng nguồn gen và nghiên cứu tương tác vi sinh vật và động/thực vật
- Nghiên cứu chỉ thị phân tử và ứng dụng trong xét nghiệm, chẩn đoán bệnh, giám định hình sự, định danh cá thể

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 12 NCS bảo vệ thành công luận án TS
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Đã chủ nhiệm và nghiệm thu 06 đề tài trong đó 02 đề tài cấp NN và 04 đề tài cấp Viện HL KH&CN VN và đang chủ nhiệm thực hiện 01 đề tài trọng điểm cấp Viện HL KH&CN VN
- Đã công bố 270 bài báo khoa học, trong đó 58 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 05 bằng độc quyền giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 5 trong đó 5 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng: Nhiều năm chiến sỹ thi đua cấp Viện CNSH, cấp Viện Hàn lâm KH&CNVN

16. Kỷ luật: Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của một nhà giáo, đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ của một nhà giáo (thỉnh giảng). Tôi đã liên tục tham gia đào tạo bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên đến nay được 17 năm, trong 6 năm trở lại đây (2015-2021), tôi liên tục tham gia công tác đào tạo thông qua công tác giảng dạy trực tiếp các môn học, chuyên đề cho học viên cao học, nghiên cứu sinh; tham gia hướng dẫn luận văn cao học và luận án tiến sĩ cho học viên và cán bộ ở các cơ sở đào tạo đại học và sau đại học như: Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội II, Học viện Khoa học và Công nghệ. Các em học viên cao học, NCS do tôi hướng dẫn đều bảo vệ thành công luận văn và luận án của mình. Tôi đã và đang góp phần đào tạo các cán bộ có bằng sau đại học thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ sinh học, hóa sinh học, di truyền học. Với vai trò giảng viên kiêm nhiệm, trưởng khoa CNSH, Học viện Khoa học và Công nghệ tôi từ khi thành lập tôi cùng với đồng nghiệp đã xây dựng khung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Khoa Công nghệ sinh học và Khung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, Khoa Công nghệ sinh học (Chuyên ngành: Sinh học thực nghiệm) từ năm 2017. Bên cạnh đó tôi cùng với đồng nghiệp đã tham gia viết 05 quyển sách trong đó có 2 quyển sách chuyên khảo là Chủ biên. Đã có đủ số lượng trên 20 điểm công trình theo quy định đăng ký chức danh giáo sư.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 17 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ		ĐH	SDH	
1	2015-2016 Viện CNSH ĐHSP HN II	3 ĐT Gấm (33t) NN Quang (44t)				Cây trồng chuyên gen (45*1,8=81t) Cơ sở CNSH	216/326/135

	Viện ST&TNSV	HHHào (33t)				(45*1,5=67t) Virus học thực vật (45*1,5=67t)	
2	2016-2017 Học Viện KH & CN	4 ĐT Gấm (33t) NNQuang (44t) HHHào (33t) PTCMiền (66,7t)				Di truyền học thực vật (45*1,8=81t) Hoá Sinh học nâng cao (45*1,8=81t)	162/338/135
3	2017-2018 Học Viện KH & CN	5 NNQuang (44t) HHHào (33t) PTCMiền (66,7t) LH Đức (50t) NM Dũng (33t)				Các xu hướng mới trong CNSH (45*1,5=67t) Công nghệ gen TV và ứng dụng (30*1,8=54t) Công nghệ ADN tái tổ hợp (30*1,8=54t)	175/401/135
3 năm cuối							
4	2018-2019 Học Viện KH & CN	4 HHHào (33t) PTCMiền (66,7t) LH Đức (50t) NM Dũng (33t)		2 ĐT Dương (70t) TT Yên (70t)		Các xu hướng mới trong CNSH (45*1,5=67t) Công nghệ ADN tái tổ hợp (30*1,8=54t)	121/443/135
5	2019-2020 Học Viện KH & CN	2 LH Đức (50t) NM Dũng (33t)		2 THLinh (70t) HTThúy (70t)		Các xu hướng mới trong CNSH (45*1,5=67t) Công nghệ ADN tái tổ hợp (30*1,8=54t)	121/344/135
6	2020-2021 Học Viện KH & CN ĐH SP - ĐH Thái Nguyên	3 LH Đức (50t) NM Dũng (33t) HT Thương (33t)				Công nghệ ADN tái tổ hợp (30*1,8=54t) Công nghệ gen thực vật và ứng dụng (30*1,8=54t) Chuyển gen và phân tích thực vật chuyển gen (30*1,8=54t) Công nghệ ADN tái tổ hợp (30*1,8=54t)	216/332/175

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước: CHLB Đức năm 2001

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội

d) Đối tượng khác ; ☐ Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

T T	Họ và tên NCS, HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
SAU KHI ĐẠT HỌC HÀM PGS (sau năm 2010)								
1.	Nguyễn Thu Hiền	+		+		2008-2012	ĐHSP, ĐH Thái Nguyên	01/08/2014
2.	Bùi Văn Thắng	+		+		2010-2013	Viện Công nghệ sinh học	30/09/2014
3.	La Việt Hồng	+		+		2011-2015	Viện Công nghệ sinh học	04/04/2016
4.	Đào Thị Sen	+		+		2012-2016	Viện Công nghệ sinh học	10/08/2017
5.	Nguyễn Thị Hồng Gấm	+		+		2012-2016	Viện Công nghệ sinh học	10/08/2017
6.	Nguyễn Huy Hoàng	+		+		2011-2015	ĐHSP, ĐH Thái Nguyên	02/08/2018
7.	Phan Thị Thu Hiền	+			+	2012-2016	Viện Công nghệ sinh học	03/08/2018
8.	Nguyễn Thị Minh Hồng	+			+	2013-2017	Viện Công nghệ sinh học	03/01/2019
9.	Nguyễn Thị Thu Hằng	+			+	2014-2018	Viện Công nghệ Sinh học	14/07/2020
10.	Nguyễn Thị Minh Hằng	+			+	2014-2018	Viện Công nghệ Sinh học	05/09/2019
11.	Đỗ Thị Gấm	+		+		2013-2017	Viện Công nghệ sinh học	Gia hạn, có QĐ cấp bằng số 486/QĐ- CNSH
12.	Nguyễn Ngọc Quang	+		+		2015-2018	Học viện KH & CN	10/07/2020
13.	Hà Hữu Hào	+		+		2015-2019	Học viện KH & CN	Gia hạn
14.	Phí Thị Cẩm Miện	+		+		2016-2019	Học viện KH & CN	Gia hạn, đang chờ báo về cấp Học viện
15.	Lê Hoàng Đức	+		+		2017-2020	Học viện KH & CN	Gia hạn
16.	Ngô Mạnh Dũng	+		+		2017-2020	ĐHSP, ĐH Thái Nguyên	Còn hạn
17.	Đào Thùy Dương		+	+		2018-2021	Học viện KH & CN	26/03/2021
18.	Tạ Thị Yến		+	+		2018-2020	Học viện KH&CN	20/02/2020
19.	Trần Huyền Linh		+	+		2019-2020	Học viện KH & CN	28/09/2020
20.	Hoàng Thị Thúy		+	+		2019-2021	Học viện KH & CN	26/03/2021
21.	Hồ Thị Thương	+		+		2020-2023	Học viện KH & CN	Còn hạn

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác
----	----------	----------------------------------	------------------------------------	------------------	-------------	--------------------------------	---

						... đến trang)	nhận sử dụng sách)
SAU KHI ĐẠT HỌC HÀM PGS (sau năm 2010)							
1	Gen và đặc tính chịu hạn của cây đậu tương	CK	NXB ĐHQG Hà Nội/2011	4			QĐ số 389/QĐ-GT ngày 13/3/2012
2	Nghiên cứu chuyển gen cry8Db có tính kháng cỏ trùng vào cây mía	TK	NXB ĐHQG Hà Nội/2019	3			QĐ số 1022/QĐ-HVKHCN ngày 2/7/2021
3	Nghiên cứu tạo dòng bạch đàn uro (Eucalyptus urophylla) chuyển gen GS1	TK	NXB ĐHQG Hà Nội/2019	5			QĐ số 1022/QĐ-HVKHCN ngày 2/7/2021
4	Công nghệ tạo vaccine cúm gia cầm từ thực vật- từ nghiên cứu đến định hướng ứng dụng tại Việt Nam	CK	NXB KHTN & CN/2021	7	X		QĐ số 789/QĐ-HVKHCN ngày 21/5/2021
5	Ứng dụng CNSH trong chọn tạo giống cây trồng kháng bệnh virus	CK	NXB KHTN & CN/2021	5	X		QĐ số 846/QĐ-HVKHCN ngày 28/5/2021

Trong đó, 03 sách chuyên khảo (số TT 1, 4, 5) do nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội (01 sách) và Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ xuất bản (02 sách)

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
TRƯỚC KHI ĐẠT HỌC HÀM PGS (trước năm 2010)					
1	Nghiên cứu tạo giống cây ăn quả kháng virus phổ rộng bằng kỹ thuật chuyển gen đa đoạn.	Chủ nhiệm	Cấp NN KC04.03/06-10	2006-2009	15/5/2010 Đạt
SAU KHI ĐẠT HỌC HÀM PGS (sau năm 2010)					

2	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ RNAi tạo cây bông chuyển gen kháng bệnh virus xanh lùn	Chủ nhiệm	Cấp Bộ- Viện HLKHCN VN	2009-2011	09/8/2011 Xuất sắc
3	Nghiên cứu tạo bộ sinh phẩm phát hiện nhanh virus cúm A ứng dụng kháng thể đơn chuỗi ScFv tái tổ hợp	Chủ nhiệm	VAST02.02/11-12	2011-2013	29/8/2013 Đạt
4	Nghiên cứu biểu hiện protein tái tổ hợp tạo vị ngọt miraculin trong cây cà chua chuyển gen	Chủ nhiệm	VAST02.01/13-14	2013 - 2014	18/3/2015 Xuất sắc
5	Nghiên cứu metagenome của vi sinh vật trong các đầm nuôi tôm, góp phần tạo cơ sở khoa học để phát triển nghề nuôi tôm ở Việt Nam	Chủ nhiệm	ĐLCNN16.14	2014-2018	16/4/2019 Đạt
6	Nghiên cứu tạo cây đậu tương chuyển gen tăng cường khả năng chống chịu một số điều kiện bất lợi của môi trường	Chủ nhiệm	VAST02.02/16-17	2016-2017	13/8/2019 Xuất sắc

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

Số TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm
TRƯỚC KHI ĐẠT HỌC HÀM PGS (trước năm 2010)								
1	Phân lập gen Chaperonin ở giống đậu tương chịu nóng M103	6		TC KH&CN/ISSN:2525-2518			36(5), 8-14	1998
2	Đánh giá một số đặc điểm hóa sinh của các dòng lúa tái sinh từ mô sẹo xử lý mất nước	5		TC KH&CN/ISSN:2525-2518			37(2), 29-35	1999
3	A Bacillus amyloliquefaciens ChbB protein binds β - and α -chitin and has homologues in related strains	4	X	Microbiology/ISSN:1350-0872	SCIE/ IF: 2.18, Q2	8	147(Pt7):17 93-803 DOI:10.109 9/00221287 -147-7-1793	2001
4	Identification and properties of type I-signal peptidases of Bacillus amyloliquefaciens	6	X	Eur. J. Biochem/ISSN:0014-2956	SCIE/ IF: 4.392, Q1	17	269(2):458-69	2002
5	Đánh giá tính đa dạng của các dòng virus gây bệnh đốm vòng đu đủ của Việt Nam thông qua tách dòng, xác định và so sánh trình tự gen mã hóa protein vỏ (CP)	4	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			2(4), 451-459	2004
6	Nghiên cứu hệ thống tái sinh cây lạc (<i>Arachis hypogaea</i> L.) phục vụ cho chuyển gen	3		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			2(3), 371-379	2004
7	Giải mã đoạn gen protein vỏ virus gây bệnh xoăn lá trên cà chua ở vùng chuyên canh cà chua thuộc tỉnh Hưng Yên	6		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			3(2), 223-230	2005

8	Phân tích trình tự gen mã hoá nucleoprotein (N) của virus dại.	5	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			3(3), 339-346	2005
9	Sử dụng enzyme <i>XcmI</i> để thiết kế T-vector pBT phục vụ tách dòng và đọc trình tự gen.	4	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			3(4), 459-463	2005
10	Tách dòng gen mã hóa protein sinh đường diệt sâu (VIP3) từ chủng <i>Bacillus thuringiensis</i> AB51	5		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			3(1) 99-104	2005
11	Tách dòng và xác định trình tự các gen mã hoá cho Glycoprotein (G) của hai chủng virus rút dại.	7	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			3(2), 207-215	2005
12	Chuyển gen gus vào cây bông thông qua <i>Agrobacterium tumefaciens</i> .	4		HNKHTQ 2005: CNSH trong NCCB			293-296	2005
13	So sánh trình tự gen av1, av2 của hai dòng virus xoăn lá thuốc lá phân lập ở Cao Bằng và Ba Vì.	4	X	HNKHTQ 2005: CNSH trong NCCB			217-220	2005
14	Thiết kế Ti-plasmid tái tổ hợp mang gen mã hoá kháng nguyên vỏ glycoprotein của virus dại.	3		HNKHTQ 2005: CNSH trong NCCB			306-308	2005
15	Đánh giá tính đa dạng di truyền của các virus gây bệnh xoăn lá cà chua ở miền Bắc Việt Nam thông qua tách dòng, xác định và so sánh trình tự gen mã hoá protein vỏ.	3		HNTQ 2005: NCCB trong KHSS			1336-1339	2005
16	Tách dòng, xác định và so sánh trình tự gen mã hoá cho Nib của bốn dòng virus gây bệnh đốm vòng trên cây đu đủ của Việt Nam.	4		HNTQ 2005: NCCB trong KHSS			1254-1257	2005
17	Đánh giá tính đa dạng di truyền phân tử của các virus gây bệnh đốm vòng đu đủ trên cây họ bầu bí ở một số tỉnh miền Bắc Việt Nam	5		TC NN&PTNT/ ISSN: 0866-7020			20(2), 13-44	2006
18	Nghiên cứu hệ thống tái sinh cây đu đủ (<i>Carica papaya</i> L.) từ phôi soma phục vụ cho chuyển gen.	3		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			4(2), 233-239	2006
19	So sánh trình tự gen mã hóa enzyme 1-aminocyclopropane-1-carboxylate oxidase (ACO) ở bốn giống đậu xanh Việt Nam chín tập trung và không tập trung.	5		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			4(1), 81-90	2006
20	A homologue of the breast cancer-associated gene BARD1 is involved in DNA repair in plants	5		The EMBO Journal/ISSN: 0261-4189	SCIE/ IF: 9.889, Q1	51	25(18):4326-37 DOI:10.1038/sj.emboj.7601313	2006
21	Đánh giá đa dạng di truyền các dòng virus gây bệnh vàng lùn ở lúa tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.	5		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			5(4), 479-484	2007
22	Nghiên cứu quy trình tái sinh và hệ thống chuyển gen cà chua (<i>Lycopersicon esculentum</i> Mill.) của Việt Nam.	3		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			5(2), 217-223	2007
23	Nghiên cứu tạo hạt latex gắn HBcAg để phát hiện kháng thể kháng HBcAg trong huyết thanh bệnh nhân viêm gan B	6	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			5(3), 285-290	2007
24	Tách dòng và biểu hiện gen mã hóa tiểu đơn vị p66 của enzyme phiên mã ngược của virus HIV-1.	5	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			5(4), 463-470	2007
25	Xây dựng qui trình tái sinh đa chồi trực tiếp từ thân mầm cây cam sành (<i>Citrus nobilis</i> Loureiro) phục vụ chuyển gen.	6		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			5(3), 363-370	2007

26	Biểu hiện kháng nguyên M1 của virus H5N1 trong hạt <i>Arabidopsis</i>	5		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			6(4A), 563-568	2008
27	Biểu hiện tái tổ hợp và tinh sạch nucleoprotein (N) của virus đại trong vi khuẩn <i>E. coli</i> .	5		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			6(2), 209-214	2008
28	Biểu hiện tái tổ hợp và tinh sạch tiểu đơn vị p51 của enzyme phiên mã ngược của virus HIV-1 trong <i>E. coli</i> .	5	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			6(1), 43-48	2008
29	Biểu hiện và tinh sạch kháng nguyên tái tổ hợp glycoprotein (G) của virus đại trong <i>E.coli</i>	4		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			6(2), 215-219	2008
30	Đánh giá khả năng chịu hạn và phân lập gen P5CS của một số giống đậu tương (<i>Glycine max</i> L. Merrill)	6	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			6(4), 459-466	2008
31	Đánh giá ảnh hưởng của thời gian nhiễm khuẩn tới hiệu quả chuyển gen vào cây bông (<i>Gossypium hirsutum</i> L.) thông qua <i>Agrobacterium tumefaciens</i>	3	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			6(4A), 689-695	2008
32	Expression of rabies virus glycoprotein in transgenic tobacco plants	5		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			6(4), 445-452	2008
33	Hoàn thiện phương pháp nuôi sâu đục thân bằng thân cây lúa trong phòng thí nghiệm.	3		TC BVT/ISSN: 0868-2801			37(2), 3-6	2008
34	Nghiên cứu đa dạng di truyền của vi rút gây bệnh tristeza trên cây có múi ở đồng bằng sông Cửu Long.	5	X	TC NN&PTNT/ ISSN: 0866-7020			8(11), 13-17	2008
35	Nghiên cứu hệ thống tái sinh cây Xoan ta (<i>Melia azedarach</i> L.) thông qua phôi soma từ thân mầm phục vụ chuyển gen	5	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			6(2), 227-232	2008
36	Phân lập gen mã hóa protein vỏ của virus gây bệnh xoăn vàng lá cà chua thu thập trên cây cà chua dại tại tỉnh Thái Nguyên.	5		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			6(4), 467-474	2008
37	Quan hệ di truyền giữa các chủng virus gây bệnh vàng lùn ở lúa tại các tỉnh Nam Trung bộ	8		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			6(3), 301-309	2008
38	Tách dòng và xác định trình tự gen mã hóa protein vỏ của hai dòng Citrus Tristeza virus trên cây cam sành trồng tại Vĩnh Long và trên cây quýt trồng tại Cần Thơ.	4	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			6(4A), 671-678	2008
39	Tạo cây thuốc lá kháng bệnh virus khảm dưa chuột bằng kỹ thuật RNAi	5		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			6(4A), 679-687	2008
40	Biểu hiện tạm thời protein neuraminidase 1 (N1) của virus cúm gia cầm trong thực vật	5		HNKHTQ lần 4: HS và SHPT phục vụ Nông, Sinh, Y học & CNTP			703-706	2008
41	Biểu hiện và tinh sạch protein vỏ của virus gân mạng lưới (PVY) ở khoai tây.	5		HNKHTQ lần 4: HS và SHPT phục vụ Nông, Sinh, Y học & CNTP			739-742	2008
42	Chuyển gen mã hóa glycoprotein của virus đại vào cây cà chua (<i>Lycopersicon esculentum</i> Mill) thông qua vi khuẩn <i>Agrobacterium tumefaciens</i>	5		HNKHTQ lần 4: HS và SHPT phục vụ Nông, Sinh, Y học & CNTP			680-683	2008

43	Tách dòng và biểu hiện gene mã hóa cho protein p24 của virus HIV-1.	5		HNKHTQ lần 4: HS và SHPT phục vụ Nông, Sinh, Y học & CNTP			726-729	2008
44	Tinh sạch, kiểm tra hoạt tính và sản xuất ở mức độ phòng thí nghiệm enzyme phiên mã ngược của virus HIV-1 ở người	6		HNKHTQ lần 4: HS và SHPT phục vụ Nông, Sinh, Y học & CNTP			40-43	2008
45	Using latex particles for detection of antibodies to HBCAg in HBV infected patient's sera	5	X	Proceedings of Asean Workshop on Advanced Materials Science and Nanotechnology, Nha Trang			337-340	2008
46	Cây thuốc lá chuyển gen mang cấu trúc RNAi kháng đồng thời hai loại virus gây bệnh khảm	3		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			7(2), 193-201	2009
47	Chẩn đoán các chủng vi khuẩn lao kháng rifampicin bằng phương pháp xác định đột biến trên gen <i>rpoB</i>	6		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			7(2) 251-256	2009
48	Dòng lúa biến đổi gen C67T311-1 mang gen CryIA(c) biểu hiện tính kháng sâu đục thân cao	3		TC NN&PTNT/ISSN: 0866-7020			9(1), 9-12	2009
49	Kiểm tra sự có mặt của virus gây bệnh vàng lùn (RGSV) ở lúa trong rẫy nâu tại các tỉnh Nam Trung Bộ bằng RT-PCR	9		TC BVTV/ISSN: 0868-2801			1(223), 23-27	2009
50	Nghiên cứu tái sinh cây thông nhựa (<i>Pinus merkusii</i> Jungh.& de Vries) thông qua phôi hạt chín	6		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			7(2), 57-63	2009
51	Phân lập và so sánh trình tự gen mã hóa cho protein vỏ (CP) của PVY ở một số tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng, Việt Nam	4		TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			31(1), 85-91	2009
52	Xác định virus gây bệnh khảm dưa chuột (cucumber mosaic virus-CMV) trên cây thuốc lá tại Cao Bằng và Hà Tây thông qua tách dòng và giải trình tự gen mã hoá protein MP và CP	4		TC KH&CN/ISSN: 0866-708X			47(3), 83-93	2009
53	Phân tích đa dạng di truyền hệ gen nhân của loài Mỡ Hải Nam (<i>Manglietia hainanensis</i> Dandy) bằng chỉ thị PAPD và cpSSR.	6		TC KHLN/ISSN: 1859-0373			2, 918-925	2009
54	Phát triển hệ thống tái sinh <i>in vitro</i> ở cây đậu tương (<i>Glycine max</i> (L.) Merrill) phục vụ chuyển gen	6	X	TC KH&CN/ISSN: 1859-2171			52(4), 82-88	2009
55	Phân lập gen 4CL1 từ cây thông đuôi ngựa (<i>Pinus massoniana</i> Lamb.) trồng tại Việt Nam	6		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			7(4), 479-483	2009
56	Phân lập và thiết kế vector ức chế biểu hiện gen mã hóa invertase (β -fructofuranosidase) ở cây mía	5		HNCNSHTQ			58-60	2009
57	Phân lập promoter của gen mã hóa cho enzyme cinnamyl alcohol dehydrogenase (CDA) biểu hiện đặc hiệu ở xylem từ cây bạch đàn uro (<i>Eucalyptus urophylla</i> S.T. Blake)	4		HNCNSHTQ			86-90	2009
58	Thiết kế vector biểu hiện kháng nguyên bề mặt cúm A/H5N1 trong thực vật	4		HNCNSHTQ			122-127	2009

59	Tạo gen mã hóa enzyme P5CS (Pyrroline-5-carboxylate synthase) mang đột biến loại bỏ hiệu ứng ức chế phản hồi bằng kỹ thuật PCR	6		HNCNSHTQ			191-194	2009
60	Thiết kế vector chuyển gen mang cấu trúc RNAi có khả năng kháng virus gây bệnh xoăn lá cà chua	5		HNCNSHTQ			473-476	2009
61	Thiết kế vector biểu hiện peptide kháng nguyên từ protein vỏ của virus viêm não Nhật Bản phục vụ nghiên cứu sản xuất vaccine ăn được	4		HNCNSHTQ			774-777	2009
62	Nghiên cứu biểu hiện vùng biến đổi của kháng thể (single chain variable fragment-scFv) đặc hiệu cho kháng nguyên Hemagglutinin (HA) của virus cúm A/H5N1 trên cây thuốc lá chuyển gen	6	X	HNCNSHTQ			805-809	2009
63	Tạo cây thuốc lá kháng virus TMV bằng kỹ thuật RNAi	6		HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 3239 7			32-40	2009
64	Detection of rice ragged stunt virus (RRSV) in Vietnamese rice using RT-PCR and DNA sequencing	10		Proceeding of The Analytica Vietnam Conference,			233-240	2009
65	Biểu hiện và tinh sạch hai protein vỏ CP và CPm tái tổ hợp của virus CTV trong vi khuẩn <i>E.coli</i> .	4	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(3), 297-302	2010
66	Biểu hiện và tinh sạch protein tái tổ hợp của virus gây bệnh xanh lùn ở cây bông (CLRVD) trong <i>E.coli</i> .	3	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(3A), 1-6	2010
67	Bước đầu nghiên cứu xây dựng thư viện cDNA từ xylem của cây bạch đàn Uro (<i>Eucalyptus urophylla</i> S.T. BLAKE) trồng tại Việt Nam.	5	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(3B), 1249-1254	2010
68	Giải mã trình tự bộ genome của dòng virus đốm vòng đu đủ thu tại Lý Nhân, Hà Nam.	5	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(4), 1815-1823	2010
69	Nghiên cứu biểu hiện gen mã hóa kháng nguyên tái tổ hợp staphylococcal enterotoxin B đã đột biến khử độc (mSEB) phục vụ cho việc chế tạo kit phát hiện tụ cầu vàng	6	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(3B), 1191-1196	2010
70	Nghiên cứu khả năng tái sinh và biến nạp gen thông qua nách lá mầm của 2 giống đậu tương (<i>Glycine max</i> L.) DT12 và DT84 bằng <i>Agrobacterium</i> .	4	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(3B), 1305-1310	2010
71	Nghiên cứu quy trình tái sinh đa chồi và chuyển gen vào cây cam Xã Đoài (<i>Citrus sinensis</i>) thông qua <i>Agrobacterium tumefaciens</i> .	6	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(2), 203-211	2010
72	Nghiên cứu quy trình tái sinh và chuyển gen cho giống khoai tây Diamant thông qua vi khuẩn <i>A. tumefaciens</i> .	4	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(3A), 425-431	2010
73	Nghiên cứu tác động của tổ hợp 2,4D và kinetin tới hiệu quả tái sinh cây bông (<i>Gossypium hirsutum</i>) thông qua phôi soma.	4	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(3A), 445-451	2010
74	Nghiên cứu tái sinh cây đậu tương (<i>Glycine max</i> L.) thông qua nách lá mầm hạt chín.	4		TCKH ĐHQGHN: KHTN & CN/ISSN: 0866-8612			26(2S), 247-254	2010
75	Phân tích đa dạng di truyền loài Càng lờ (<i>Betula alnoides</i> Buch-	6		TC NN&PTNT/			10(2), 108-112	2010

	Ham) bằng chỉ thị phân tử RAPD và cpSSR.			ISSN: 0866-7020				
76	Tách dòng và đánh giá hoạt động của promoter cảm ứng khô hạn RD29A từ <i>Arabidopsis thaliana</i> .	5	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8 (4), 1809-1814	2010
77	Tách dòng và xác định trình tự cDNA của gen GS1 ở cây đậu tương (<i>Glycine max</i> L.).	5		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(3A), 499-504	2010
78	Tách dòng và xác định trình tự phân đoạn đầu 5' trong đoạn RNA1 của virus lùn lúa cỏ (RGSV) phân lập tại một số tỉnh ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long.	4	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(3A): 467-474	2010
79	Tách dòng, xác định và so sánh trình tự một phần cDNA của gen mã hóa cho enzyme glutamine synthetase (GS1-cytosol isoform) ở một số đối tượng cây lâm nghiệp.	5	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(3), 317-322	2010
80	Tạo cây thuốc lá chuyển gen mang gen P5CS đột biến loại bỏ hiệu ứng phản hồi ngược, làm tăng hàm lượng proline và khả năng chống chịu khô hạn.	5	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(3A): 539-544	2010
81	Thiết kế vector mang gen HA1 của virus A/H5N1 sử dụng trong chuyển gen thông qua vi khuẩn <i>A. Rhizogenes</i>	5	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(3B):1185-1189	2010
82	Xây dựng quy trình tái sinh keo tai tượng (<i>Acacia mangium</i> Willd) phục vụ chuyển gen.	5		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			8(1), 61-67	2010
83	Xây dựng quy trình tái sinh đa chồi trực tiếp từ thân mầm cây cam canh (<i>Citrus reticulata</i> Blanco) phục vụ chuyển gen.	4		TC KH&CNVN/ISSN: 0866-708X			48(2A), 707-712	2010
SAU KHI ĐẠT HỌC HÀM PGS (sau năm 2010)								
84	Nghiên cứu chuyển gen mã hóa gibberellin 20-oxylase vào cây xoan ta (<i>Melia azedarach</i> L.) bằng <i>Agrobacterium tumefaciens</i> .	5	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			9(2), 217-222	2011
85	Nghiên cứu tạo rễ tơ thuốc lá chuyển gen HA1 mã hóa tiểu phần kháng nguyên Hemagglutinin (HA) của cúm virus A/H5N1 thông qua <i>Agrobacterium Rhizogenes</i>	4		TC KH&CN/ ISSN:0866-708X			49(6B),49-56	2011
86	Nghiên cứu tạo giống đu đủ kháng bệnh đốm vòng ứng dụng cơ chế RNAi	5	X	HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 3239 7			316-326	2011
87	Biểu hiện, tính chất kháng thể đơn dòng tái tổ hợp kháng H5 và ứng dụng cho phát hiện nhanh virus H5N1.	5		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			10(1), 65-70	2012
88	Nghiên cứu chuyển gen vào một số giống khoai lang Việt Nam (<i>Ipomea batatas</i> L.) thông qua vi khuẩn <i>Agrobacterium tumefaciens</i>	4		TC KH&CN , ĐH TN/ISSN:185 9-2171			96(8), 119-124	2012
89	Nghiên cứu hệ thống tái sinh cây sắn (<i>Manihot esculenta</i> Crantz) thông qua phôi soma từ đỉnh chồi	6	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			10(3), 527-533	2012
90	Nghiên cứu khả năng tạo rễ tơ của cây bá bệnh (<i>Eurycoma longifolia</i> Jack) thông qua vi khuẩn <i>Agrobacterium rhizogenes</i>	5		TC KH&CN/ ISSN:2525-2518			50(3A), 166-173	2012
91	Nghiên cứu tái sinh cây khoai lang giống KB1 thông qua phát sinh phôi soma từ mô sẹo	4		TC KH&CN/ ISSN:2525-2518			50(3C), 420-427	2012

92	Thiết kế các vector mang gen độc tố diệt bộ cánh cứng sử dụng trong chuyển gen thông qua vi khuẩn <i>Agrobacterium tumefaciens</i>	5		TC KH -ĐH SPHN2/ISSN: 1858-2325			21, 191-197	2012
93	Molecular Characteristics of Rifampin- and Isoniazid-Resistant Mycobacterium tuberculosis Strains Isolated in Vietnam	8		J Clin Microbiol.	SCIE/ IF: 5.897, Q1	45	50(3):598-601 DOI:10.1128/JCM.05171-11	2012
94	Production of antibody labeled gold nanoparticles for influenza virus H5N1 diagnosis kit development	5	X	Adv. Nat. Sci. Nanosci. Nanotechnol./ISSN:2043-6262	SCIE/ IF: 4.77, Q2	21	3(4):045017 DOI:10.1088/2043-6262/3/4/045017	2012
95	Chemical synthesis and antibacterial activity of novel-shaped silver nanoparticles	4		Int. Nano Lett./ISSN:2228-5326	SCIE/ Q4	243	DOI: 10.1186/2228-5326-2-9	2012
96	Đánh giá tính kháng virus của các dòng đu đủ kháng bệnh đốm vòng	5	X	HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 3239 7			47-56	2012
97	Nghiên cứu biểu hiện tái tổ hợp protein độc tố cry3ca1 đã tối ưu mã thực vật trong vi khuẩn Escherichia coli và đánh giá hoạt tính độc tố diệt sâu non bộ hà khoai lang (<i>Cylas formicarius</i>).	6		HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 3239 7			114-124	2012
98	Nghiên cứu bước đầu về bệnh lùn lụi do phytoplasma trên cây cà phê tại tỉnh Champasak, Lào	5		HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 3239 7			57-61	2012
99	Sử dụng phương pháp tách chiết dsRNA kết hợp nhân bản ngẫu nhiên trong phát hiện và xác định virus gây bệnh trên thực vật	5		HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 3239 7			21-29	2012
100	Biểu hiện kháng nguyên HA của virus H5N1 trong hạt đậu tương.	5	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			11(1), 115-120	2013
101	Chuyển gen <i>codA</i> mã hóa choline oxidase vào cây Xoan ta (<i>Melia azedarach</i> L.) tăng cường khả năng chịu hạn.	3		TC KH&CN Lâm nghiệp/ISSN: 1859-3828			2, 3-10	2013
102	Hiệu quả của ABA và GA3 lên quá trình tạo đa chồi từ mô sẹo ở khoai lang <i>Ipomoea batatas</i> (L.) Lam.	6		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			11(4), 727-734	2013
103	Nghiên cứu sử dụng chỉ thị DNA mã vạch trong nhận dạng loài lan kim tuyến (<i>Anoectochilus roxburghii</i>)	6		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			11(1):121-129	2013
104	Nghiên cứu tạo vector chuyển gen mang các cấu trúc gen rol tăng cường cảm ứng tạo rễ tơ ở thực vật chuyển gen.	5		TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			35(4), 494-503	2013
105	Quy trình chuyển gen vào cây xoan ta (<i>Melia azedarach</i> L.) bằng <i>Agrobacterium</i> đạt hiệu suất cao.	4	X	TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			35(2), 227-233	2013
106	Tách dòng và phân tích trình tự gen CP của CyMV và ORSV gây bệnh trên phong lan ở một số tỉnh phía bắc Việt Nam	4	X	TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			35(3), 363-368	2013
107	Thiết kế vector chuyển gen mã hóa enzyme 5-enolpyruvylshikimate-3-phosphate (EPSPS) có tính kháng chất diệt cỏ glyphosate.	3		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			11(3):539-546	2013
108	Thiết kế vector mang cấu trúc RNAi chứa vùng gen Coat protein của virus SMV và BYMV.	5		TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			35(3SE):129-135	2013

109	Nghiên cứu chuyển gen tạo rễ tơ sâm Ngọc Linh (Panax Vietnamensis HA et Grushv) thông qua vi khuẩn Agrobacterium Rhizogenes	9		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			11(4), 689-695	2013
110	ELPylated haemagglutinins produced in tobacco plants induce potentially neutralizing antibodies against H5N1 viruses in mice	10		Plant Biotechnol. J./ISSN:1467-7652	SCIE/IF:8.154, Q1	54	11(5): 582-593 DOI:10.1111/1/pbi.12049	2013
111	Expression and secretion of recombinant thaumatin from BY-2 tobacco cell suspension	3		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 136 3			II: 955-959	2013
112	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chuyển gen gus vào khoai lang thông qua Agrobacterium tumefaciens	7		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 136 3			I:888-892	2013
113	Nghiên cứu chế tạo dung dịch nano titan ứng dụng trong phòng chống virus gây bệnh trên thực vật. Hội nghị khoa học CNSH toàn quốc 2013	6		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 136 3			I:52-56	2013
114	Nghiên cứu sản xuất bộ sinh phẩm phát hiện nhanh virus H5N1 ở quy mô phòng thí nghiệm	6		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 136 3			I: 34-38	2013
115	Thiết kế vector chuyển gen Lsi2 góp phần nâng cao khả năng vận chuyển và tích lũy asen trong thực vật	5		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 136 3			II:1064-1068	2013
116	Thiết kế vector mang gen Cry1Ac và EPSPS phục vụ tạo cây chuyển gen kháng côn trùng và chất diệt cỏ glyphosate.	5		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 136 3			II:1133-1137	2013
117	Xác định sự có mặt của virus trên một số cây trồng thu thập ở Lào bằng kỹ thuật RT-PCR	6		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 136 3			II:737-741	2013
118	Nghiên cứu tạo cây thuốc lá chuyển gen CodA mã hóa Choline oxidase tăng cường khả năng chịu mặn.	3		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 136 3			I:1059-1063	2013
119	Đánh giá đa dạng di truyền virus gây bệnh khảm dưa chuột CMV trên cây thuốc lá thu thập tại một số tỉnh thành của Việt Nam thông qua tách dòng và giải trình tự gen mã hóa protein MP và CP	4		Hội nghị CNSH toàn quốc: 1143-1147			II: 1143-1147	2013
120	Đánh giá mức độ kháng virus tristeza ở cây cam xã đoài chuyển gen đa đoạn thông qua vi khuẩn Agrobacterium tumefaciens	7		HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 1007 4			68-79	2013
121	Đánh giá tính kháng virus đốm vòng (PRSV) của các dòng đu đủ chuyển gen thể hệ T1	5		HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 1007 4			30-39	2013
122	Xác định virus gây bệnh khảm dưa chuột (Cucumber Mosaic Virus-CMV) trên cây thuốc lá tại Tây Ninh và Gia Lai thông qua tách dòng và giải trình tự gen mã hoá protein 3a, cp và RdRp thành phần	4		HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 1007 4			50-59	2013
123	Tái sinh cây bạch đàn Urô (Eucalyptus urophylla) hiệu suất cao thông qua tạo đa chồi từ mô sẹo	4		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 974 562 1			766-770	2013

124	Nghiên cứu xây dựng mã vạch DNA cho việc phân loại nhận dạng cây sâm ngọc linh	3		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 974 562 1			1100-1104	2013
125	Ảnh hưởng của Kinetin và sự kết hợp giữa kinetin và 2,4-D đến quá trình hình thành protocorm-like Bodies ở cây lan kim tuyến (<i>Anoetochillus seaceus</i> Blume).	4		TC KH -ĐH SPHN2/ISSN: 1858-2325			2, 53-61	2014
126	Biểu hiện protein tái tổ hợp miraculin trong dòng tế bào thuốc lá BY-2 (<i>Nicotiana tabacum</i> L. Cv Bright Yellow-2).	4	X	TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			36(3), 367-372	2014
127	Đánh giá đa dạng di truyền quần thể dó bầu (<i>Aquilaria crassna</i> Pierre) tại Việt Nam bằng chỉ thị phân tử ISSR.	4	X	TCKH ĐHQGHN: KHTN & CN/ISSN: 2615-9317			30(4), 58-65	2014
128	Nghiên cứu biểu hiện tái tổ hợp protein Interleukin 7 trong vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> Rosetta-gami.	5		TCKH ĐHQGHN: KHTN & CN/ISSN: 2615-9317			30(6A-S),101-107.	2014
129	Phân lập gen nhân tố phiên mã DREB3 của cây đậu tương và đánh giá hoạt động của gen cấu trúc rd29A::DREB3 trên cây thuốc lá chuyển gen.	4	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			12(2), 261-267	2014
130	Tách dòng và xác định trình tự gen mã hóa protein vỏ (CP) của virus gây bệnh xanh lùn (CLRVD) trên cây bông.	3		TC KH&CN , ĐH TN/ISSN:185 9-2171			119(5), 151-155	2014
131	Tối ưu hóa sự chuyển nạp gen ở lan <i>Dendrobium Sonia</i> qua trung gian vi khuẩn <i>Agrobacterium tumefaciens</i>	3		TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			36(1se):257-265	2014
132	Thiết kế và đánh giá hoạt động cấu trúc chuyển gen kháng virus khảm vàng (<i>Cymbidium mosaic virus</i>) hại cây hoa lan bằng công nghệ RNAi	6		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			12(1), 95-101	2014
133	Đa dạng di truyền virus thuộc chi <i>Begomovirus</i> trên cây thuốc lá ở Việt Nam	4		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			12(1), 133-149	2014
134	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của rễ tơ sâm Ngọc Linh (<i>Panax Vietnamensis</i> HA et Grushv.) chuyển gen	11		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			12(3), 467-476	2014
135	Nhân dòng và phân tích yếu tố tác động <i>Cis</i> của Promotor E8 từ cà chua (<i>Lycopersicon esculentum</i> L.)	5		TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			36(1),118-124	2014
136	Aryl Hydrocarbon Receptor and Kynurenine: Recent Advances in Autoimmune Disease Research	6		Front. Immunol/ISS N:1664-3224	SCIE/ IF: 5.085, Q1	112	DOI:10.3389/fimmu.2014.00551	2014
137	Đánh giá tính kháng Cymbidium mosaic virus hại hoa lan trên mô hình cây thuốc lá chuyển gen đa đoạn sử dụng công nghệ RNAi.	6		HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 1313 6			27-33	2014
138	Hệ thống tái sinh cây thông qua phôi soma của một số giống mía cao sản (<i>Saccharum officinarum</i> L.)	3		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			13 (3), 907-917	2015
139	Kết quả nghiên cứu tạo cây khoai lang kháng bộ hạ thông qua công nghệ gen.	4		TC KH&CN VN/ISSN: 2615-9929			3(3) ,54-58.	2015
140	Lắp ráp và chú giải hệ gen vi tảo biển dị dưỡng <i>S. mangrovei</i> PQ6 của Việt Nam.	9		TC KH&CN/ ISSN:2525-2518			2(6) ,36-41	2015

141	Nghiên cứu nhân nhanh in vitro loài lan kim tuyến (<i>Anoetochilus setaceus</i> Blume) thông qua cảm ứng tạo Protocorm like bodies.	5	X	TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			37 (1), 76-83	2015
142	Nghiên cứu sự biểu hiện tạm thời của kháng nguyên GP5 của virus gây bệnh lùn tai xanh trong cây thuốc lá (<i>Nicotiana benthamiana</i>) bằng phương pháp agro-infiltration.	7	X	TCKH ĐHQGHN: KHTN & CN/ISSN: 2615-9317			31(1),53-61.	2015
143	Nghiên cứu tái sinh chồi trực từ cuống lá và mảnh lá của giống khoai lang Chiêm Dâu và KB1	4		TCKH ĐHQGHN: KHTN & CN/ISSN: 2615-9317			31(4S), 177-184.	2015
144	Nghiên cứu tạo cây khoai lang chuyển gen mang cấu trúc gen vip 2-1 thông qua vi khuẩn <i>A. tumefaciens</i> .	8		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			13(4),1091-1099.	2015
145	Nghiên cứu thiết kế và đánh giá ảnh hưởng của vector hỗ trợ mang gen mã hóa protein 2b CMV và protein Hc-pro lên biểu hiện tạm thời của GFP ở lá thuốc lá	6	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			13(1),151-159	2015
146	Nhân dòng Promoter và Terminator <i>Heat Shock</i> Protein 18.2 từ <i>Arabidopsis Thaliana</i> làm nguyên liệu thiết kế vector biểu hiện gen ở thực vật	3		TCKH ĐHQGHN: KHTN & CN/ISSN: 2615-9317			31(2),28-35	2015
147	Quy trình chuyển gen hiệu quả vào phôi soma của giống mía ROC22 (<i>Saccharum officinarum</i> L.) thông qua <i>Agrobacterium tumefaciens</i>	3		TCKH ĐHQGHN: KHTN & CN/ISSN: 2615-9317			31 (4S), 109-114	2015
148	Quy trình nhân nhanh giống mía ROC22 (<i>Saccharum officinarum</i> L.) từ đỉnh sinh trưởng và chồi nách	3		TC KH -ĐH SPHN2/ISSN: 1858-2325			35, 62-71	2015
149	Nghiên cứu chuyển gen RNAi qua trung gian vi khuẩn <i>Agrobacterium tumefaciens</i> vào <i>Dendrobium Sonia</i> để tạo giống kháng virus khảm vàng	4		TC KH&PT/ISSN :1859-0004			13(2):264-271	2015
150	Lập bản đồ liên kết gen kháng bệnh phân trắng trên đậu tương bằng chỉ thị SSR	5		TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			13(1), 113-122	2015
151	Characterization of Rubella Virus Genotypes Among Pregnant Women in Northern Vietnam, 2011-2013	6	X	J. Med. Virol./ISSN:0 146-6615	SCIE/ IF: 2.021, Q2	2	87(2):338-43. doi: 10.1002/jmv.24049	2015
152	Overexpression of a soybean expansin gene, GmEXP1, improves drought tolerance in transgenic tobacco.	6		Turk. J. Botany/ISSN: 1303-6106	SCIE/ IF: 2.021, Q3	10	39, (2015), 988-995. DOI: 10.3906/bot-1502-40	2015
153	A new anti-inflammatory β -carboline alkaloid from the hairy-root cultures of <i>Eurycoma longifolia</i> .	8		Nat. Prod. Res/ISSN:147 8-6419	SCIE/ IF: 2.158, Q2	25	30(12):1360-5. doi: 10.1080/14786419.2015.1056187.	2015
154	Bước đầu khảo sát ảnh hưởng của ánh sáng led (Light emitting diode) đến khả năng tái sinh cây cà phê vối (<i>Coffea canephora</i>) qua phôi soma	8		TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			38(2), 228-235	2016
155	Đánh giá khả năng sinh trưởng và tích lũy Saponin của rễ bất định và rễ tơ cây sâm Ngọc Linh (<i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv.)	4		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			14(2), 231-236.	2016

156	Gene expression profiling of ADP-glucose pyrophosphorylase (AGPase) in sink and source organs of some cassava varieties with different starch contents in Vietnam	5		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			14(4), 673-682	2016
157	Nghiên cứu ảnh hưởng của ánh sáng đơn sắc (led) đến một số đặc điểm sinh lý và hình thái của cây sâm dây (<i>Codonopsis</i> sp.) nuôi cấy <i>in vitro</i>	7	X	TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			38(2),220-227	2016
158	Sử dụng chỉ thị ISSR trong việc đánh giá đa dạng di truyền ở quần thể ba kích tại Quảng Ninh	6		TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			38(1), 89-95	2016
159	Tăng cường quá trình sinh tổng hợp tinh bột ở cây mô hình thuốc lá thông qua việc chuyển gen mã hóa ADP glucose pyrophosphorylase của vi khuẩn	6		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			14(1), 139-148, 2016	2016
160	Tạo cây thuốc lá chuyển gen GS1 tăng cường hiệu quả sử dụng nitrogen	8	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			14(3), 507-513.	2016
161	Thiết kế vector tăng cường biểu hiện kháng nguyên GP5 của virus PRRSV trong tế bào thực vật	6		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			14(3),491-497	2016
162	Kết quả nghiên cứu tạo cây khoai lang kháng bộ hạ thông qua công nghệ gen	4		TC KH&CN VN/ISSN: 1859-4794			3(3), 54-58	2016
163	Procarcinogens – determination and evaluation by yeast-based biosensor transformed with plasmids incorporating RAD54 reporter construct and cytochrome P450 gene	11		PLoS ONE/ISSN:19 32-6204	SCIE/ IF: 2.740, Q2	8	11(12):e0168721. doi:10.1371/journal.pone.0168721	2016
164	Transcriptome sequencing and comparative analysis of <i>Schizochytrium mangrovei</i> PQ6 at different cultivation times.	15		Biotechnol. Lett./ISSN:15 73-6776	SCIE/ IF: 1.977, Q2	15	38(10) DOI: 10.1007/s10529-016-2165-5.	2016
165	RNAi-mediated resistance to SMV and BYMV in transgenic tobacco	6		Crop. Breed. Appl. Biotechnol./ISSN:1518-7853	SCIE/ IF: 1.015, Q3	9	16(3):213-218 DOI: 10.1590/198470332016v16n3a32	2016
166	De novo assembly and transcriptome characterization of major growth-related genes in various tissues of <i>Penaeus monodon</i>	16		Aquaculture/ISSN:0044-8486	SCIE/ IF: 3.224, Q1	22	464 DOI: 10.1016/j.aquaculture.2016.08.003	2016
167	Ảnh hưởng của ánh sáng led đến sự sinh trưởng, phát triển của cây lan kim tuyến (<i>Anoectochilus roxburghii</i>) <i>in vitro</i>	9	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			15(1), 97-104, 2017	2017
168	Biểu hiện protein HA/H7N9 polymer dung hợp IgMFC trong cây thuốc lá (<i>Nicotiana benthamiana</i>) bằng phương pháp Agroinfiltration	6		TCKH ĐHQGHN: KHTN & CN/ISSN: 2615-9317			33(1),105-115.	2017
169	Biểu hiện protein Interleukin 7 tái tổ hợp trong dòng tế bào thuốc lá BY-2	4	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			15(3),1-6	2017
170	Biểu hiện tạm thời protein interleukin-7 tái tổ hợp trong cây thuốc lá (<i>Nicotiana benthamiana</i> Domin) bằng phương pháp Agroinfiltration	4	X	TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			39(2),219-225	2017
171	Biểu hiện và tinh sạch protein M của virus PRRS gây bệnh lợn tai xanh bằng công nghệ biểu hiện tạm thời	7	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			15(3),547-554.	2017

	trong lá thuốc lá <i>nicotiana benthamiana</i> .							
172	DNA barcoding và nhân nhanh in vitro <i>Dendrobium transparens</i> Wall.ex Lindl	4		TCKH ĐHQGHN: KHTN & CN/ISSN: 2615-9317			33(2), 37-45	2017
173	Khảo sát một số đặc điểm hóa học và tác dụng chống oxy hóa (antioxydant) của các hợp chất Flavonoid chiết xuất từ một số loài lan Kim tuyến của Việt Nam.	4		TCKH ĐHQGHN: KHTN & CN/ISSN: 2615-9317			33(1S),104-113.	2017
174	Khảo sát một số hoạt tính sinh học trong cao chiết methanol từ rễ tơ và rễ tự nhiên cây bá bệnh (<i>Eurycoma longifolia</i> Jack)	6	X	TCKH ĐHQGHN: KHTN & CN/ISSN: 2615-9317			33(2), 67-73.	2017
175	Nghiên cứu sự biểu hiện tạm thời của kháng nguyên H7 của virus cúm A/H7N9 trong cây thuốc lá (<i>Nicotiana benthamiana</i>) bằng phương pháp <i>agro-infiltration</i>	6		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			15(1),133-140	2017
176	Tách dòng sáu gen khung virus cúm vào vector pHW2000 phục vụ tạo chủng gốc vaccine cúm A/H5N1 bằng kỹ thuật di truyền ngược	6		TCKH ĐHQGHN: KHTN & CN/ISSN: 2615-9317			33(2),9-16	2017
177	Tách dòng và đồng biểu hiện gen mã hóa hai loại kháng nguyên vỏ GP5 ecto (vùng ngoại bào) và M của virus gây hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn	6		TCKH ĐHQGHN: KHTN & CN/ISSN: 2615-9317			33(1S) ,1-9	2017
178	Thiết kế vector biểu hiện pCB301- <i>Xbxs14</i> -ELP và biểu hiện gen <i>Xbxs14</i> mã hóa xylan 1,4-beta xylosidase từ vi sinh vật ruột mối <i>Coptotermes gestroi</i> trong cây thuốc lá <i>Nicotiana benthamiana</i>	8		TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			39(2), 226-235.	2017
179	<i>In vitro</i> micropropagation of <i>Paramignya trimera</i> , a valuable medicinal plant collected from Khánh Hoa, Vietnam.	4		Tạp chí KHN NVN/IS SN: 1859-0004			15(9): 1256 - 1265	2017
180	Nghiên cứu tái sinh một số giống sắn (<i>Manihot esculenta</i> Crantz) thông qua mô sẹo phối hóa	4		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			15(3), 1-8	2017
181	Quy trình chuyển gen <i>ex vitro</i> vào đoạn thân mía thông qua <i>Agrobacterium tumefaciens</i>	3		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			15(4A), 71-78	2017
182	Đánh giá sự biểu hiện tạm thời kháng nguyên GP5 tái tổ hợp của virus PRRS trong mô lá thuốc lá loài <i>Nicotinana Tabacum</i>	6	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			15(4A), 95-102	2017
183	Nanodiamond enhances immune responses in mice against recombinant HA/H7N9 protein.	9	X	J. Nanobiotechnol./ISSN:1477-3155	SCIE/ IF: 6.518, Q1	22	15:69 DOI 10.1186/s12951-017-0305-2.	2017
184	Peptide Fraction pOh2 Exerts Antiadipogenic Activity through Inhibition of C/EBP- α and PPAR- γ Expression in 3T3-L1 Adipocytes.	7		BioMed Res. Int. /ISSN:2314-6141	SCIE/ IF: 2.276, Q3	3	(5):1-9. DOI: 10.1155/2017/4826595	2017
185	Neutralizing immune responses induced by oligomeric H5N1-hemagglutinins from plants.	6		Vet. Res/ISSN:1297-9716	SCIE/ IF: 3.357, Q1	9	48:53 DOI 10.1186/s13567-017-0458-x	2017

186	Phân tích quan hệ di truyền của một số loài lan tại Việt Nam	4		HNKHTQ về ST & và TNSV lần thứ 7			133-139	2017
187	Đa dạng di truyền virus PVY gây bệnh trên cây thuốc lá ở miền bắc Việt Nam	5		HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 2558 0			p5-14	2017
188	Đặc điểm sinh học của một số chủng vi nấm nội sinh trong cây cà phê	7		HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 2558 0			135-140	2017
189	Nghiên cứu tối ưu các điều kiện biểu hiện tạm thời gen mã hoá kháng nguyên M của virus PRRS trong lá cây thuốc lá <i>Nicotiana benthamiana</i>	6	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			16(2), 293-300,+G119	2018
190	Phân lập, sàng lọc vi khuẩn nội sinh có khả năng sinh tổng hợp β -Glucosidase trong cây sâm Ngọc Linh (<i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv)	8		TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			40(2),153-161	2018
191	Tạo cây khoai lang chuyển gen mang cấu trúc gen cry3cal thông qua vi khuẩn <i>Agrobacterium tumefaciens</i> .	4		TC Sinh học/ISSN: 0866-7160			40(2),252-258	2018
192	Genetic polymorphism of 23 y-chromosome short tandem repeat loci in the Kinh population of Vietnam	9		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			16(2), 223-229	2018
193	So sánh cấu trúc hệ vi khuẩn đường ruột của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) giữa tôm khỏe mạnh và tôm bị bệnh tại Sóc Trăng, Việt Nam	6	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			16(3), 543-551	2018
194	Thiết kế và tách dòng gen NA của virus cúm A/H5N1 vào vector pHW2000 làm nguyên liệu tạo chủng gốc vaccine cúm	6		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			16(2),369-376	2018
195	Xác định khả năng kích thích tạo kháng thể đặc hiệu của kháng nguyên tái tổ hợp GP5-ELP của virus PRRS gây hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn trên động vật thí nghiệm	5		TC KHKT Thú y/ISSN: 1859-4751			25(5),35-42	2018
196	Expression of aryl hydrocarbon receptor, inflammatory cytokines, and incidence of rheumatoid arthritis in Vietnamese dioxin-exposed people.	7		J. Immunotoxicol/ISSN:1547-6901	SCIE/ IF: 2.974, Q2	8	Volume 14. Issue 1. Pages 196-203.	2018
197	Characterization of bacterial community in the gut of <i>Penaeus monodon</i> and its culture water in shrimp ponds	8	X	Turk. J. Fish. & Aquat. Sci. /ISSN:1303-2712	SCIE/ IF: 0.869, Q3	4	DOI: 10.4194/1303-2712-v19_11_09	2018
198	Hairy Root Cultures of <i>Eurycoma longifolia</i> and Production of Anti-inflammatory 9-Methoxycanthin-6-one.	8	X	Nat. Prod. Commun./ISSN:1555-9475	SCIE/ IF: 0.468, Q3	1	Volume 13. Issue 5. Pages 513-656.	2018
199	Draft Genome Sequence of <i>Streptomyces cavourensis</i> YBQ59, an Endophytic Producer of Antibiotics Bafilomycin D, Nonactic Acid, Prelactone B, and 5,11-Epoxy-10-Cadinanol	10		Microbiol. Resour. Announc./ISSN:2576-098x	SCIE/ IF: 0.785, Q4	4	DOI: 10.1128/MR.A.01056-18	2018

200	Antimicrobial and Cytotoxic Properties of Bioactive Metabolites Produced by <i>Streptomyces cavourensis</i> YBQ59 Isolated from <i>Cinnamomum cassia</i> Prels in Yen Bai Province of Vietnam	7		Curr. Microbiol./IS SN:1432-0991	SCIE/ IF: 1.746, Q3	23	75(3) DOI:10.1007/s00284-018-1517-x	2018
201	Optimization of the in vitro fertilization protocol for frozen epididymal sperm with low fertilization ability in Ban—A native Vietnamese pigs	12		Anim. Sci. J. /ISSN:1740-0929	SCIE/ IF: 1.399, Q2	5	89(8) DOI: 10.1111/asj. 13045	2018
202	Morphological and molecular characterisation of <i>Chitwoodius coffeae</i> sp. n. (Dorylaimida: Tylencholaimidae) from Vietnam, with a revised taxonomy of the genus	6		Nematology/I SSN:1568-5411	SCIE/ IF: 1.188, Q2	1	2018 DOI:10.1163/15685411-00003231	2018
203	Đặc điểm di truyền của 27 locus Y-STR trong quần thể người Kinh, Việt Nam sử dụng bộ YFILER PLUS PCR Amplification Kit	9		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			564-569	2018
204	Đánh giá khả năng kích thích đáp ứng kháng thể đặc hiệu của kháng nguyên M và GP5ectoM/PRRSV được sản xuất từ thực vật trên chuột bạch	4		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			194-199	2018
205	Giải trình tự và lắp ráp de novo hệ gen chủng vi khuẩn <i>Streptomyces ibts411</i> nội sinh trong cây cà phê tại Việt Nam bằng công nghệ SMRT sequencing	9		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			106-113	2018
206	Lắp ráp de novo hệ gen xạ khuẩn sinh kháng sinh <i>Streptomyces cavourensis</i> YBQ59 nội sinh trên cây quế ở Yên Bái	8		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			1146-1151	2018
207	Nghiên cứu đặc điểm sinh học và phân loại một số chủng vi khuẩn nội sinh phân lập từ vùng rễ cây cà phê tái canh nhằm ứng dụng trong phòng chống tuyến trùng	5		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			885-890	2018
208	Nghiên cứu hiện tượng methyl hóa vùng promoter của ba gen sửa chữa DNA MLH1, MGMT và BRCA1 trong ung thư biểu mô tuyến ở phổi	6		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			542-546	2018
209	Nghiên cứu sự biểu hiện của gen AHR và CYP1B1 ở người phơi nhiễm dioxin tại Biên Hòa	8		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			583-588	2018
210	Phân tích sự biểu hiện của nhóm gen mã hóa cho enzyme starch synthase (SS) ở rễ và lá một số giống sắn của Việt Nam	5		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			pp2-7	2018
211	Phân tích sự có mặt của nhóm vi khuẩn chuyển hóa ammonium và nitrite trong nước nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) bán thâm canh ở Việt Nam	8	X	HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			767-773	2018
212	Tách dòng và biểu hiện gen YtnP mã hóa enzyme quorum-quenching lactonase từ cơ sở dữ liệu DNA metagenome hệ vi sinh vật trong nước đầm nuôi tôm thẻ chân trắng tại Sóc Trăng	5		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			28-33	2018
213	Tạo đột biến gen eIF(iso)4E trong cây thuốc lá bằng kỹ thuật chỉnh sửa gen CRISPR/Cas9	6		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			72-78	2018

214	Tổng hợp và xác định đặc tính của phức hệ nano sinh học từ protein kháng nguyên HA/H5N1 và hạt nano kim cương	11		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			665-670	2018
215	Chuyển gen GH9C2 mã hoá cho enzyme endo-1, 4-β-d-glucanase vào cây thuốc lá (<i>Nicotiana tabacum</i> L.)	7	X	HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			1360-1365	2018
216	Thiết kế và đánh giá các vector mang gen codA chọn lọc bằng phosphinothricin.	6	X	HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			1405-1410	2018
217	Nghiên cứu quy trình biểu hiện tạm thời bằng phương pháp agroinfiltration trên cây thuốc lá trồng thủy canh.	5	X	HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			1564-1569	2018
218	Phát triển và đánh giá tính kháng Cymbidium mosaic virus của lan Dendrobium Sonia mang cấu trúc RNAi được thiết kế từ gen CP của virus.	4		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			1595-1601	2018
219	Đa dạng sinh vật và thành phần vi khuẩn nitrat hóa trong đất bùn của các đầm nuôi tôm tại vùng đồng bằng sông Cửu Long	5		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 913 759 4			40-44	2018
220	Nghiên cứu khả năng tạo rễ bất định Xảo tam phân (<i>Paramignya trimera</i>) trong điều kiện thủy canh <i>in vivo</i> .	5		TC KH&CN VN/ISSN: 1859-4794			61 (7),5-49.	2019
221	Activation of CYP1A1, CYP1B1 and AHRR gene in dioxin-exposed people from Da Nang dioxin hotspot	5		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			17(2),1-9	2019
222	Genetic and epigenetic alterations of the EGFR and mutually independent association with BRCA1, MGMT, and RASSF1A methylations in Vietnamese lung adenocarcinomas	7	X	Pathol. Res. Pract/ISSN:03 44-0338	SCIE/ IF: 2.050, Q2	3	DOI: 10.1016/j.pr p.2019.01.0 32	2019
223	Allele frequencies for 22 autosomal STRs in the Kinh population in Vietnam.	6	X	Int. J. Legal. Med./ISSN:14 37-1596	SCIE/ IF: 2.222, Q1	5	DOI: 0.1007/s004 14-018- 01996-w	2019
224	Detection of G338R FGFR2 mutation in a Vietnamese patient with Crouzon syndrome.	9	X	Biomed. Rep./ISSN:20 49-9434	SCIE/ IF: 1.800, Q2	3	10(2):107- 112. DOI: 10.3892/br. 2019.1181	2019
225	Impact of Nitrogen Fertilizer on the Mycorrhizal Inoculating Potential and Fungal Community Structure in Rhizosphere of Medicinal Plant <i>Curcuma longa</i> L.	8		Geomicrobiol ogy/ISSN:152 1-0529	SCIE/ IF: 1.872, Q2	1	DOI: 10.1080/014 90451.2018. 1556751	2019
226	The Role of <i>Pseudomonas</i> in Heterotrophic Nitrification: A Case Study on Shrimp Ponds (<i>Litopenaeus vannamei</i>) in Soc Trang Province	8	X	Microorganis ms/ISSN:207 6-2607	SCIE/ IF: 4.152, Q2	4	DOI:10.339 0/ microorgani sms7060155	2019
227	Genetic characteristics of 23 Y-chromosomal STRs in the Kinh population in Northern Vietnam	6	X	Int. J. Legal. Med./ISSN:14 37-1596	SCIE/ IF: 2.222, Q1	3	DOI:10.100 7/s00414- 019-02098- x	2019
228	Endophytic actinomycetes associated with <i>Cinnamomum cassia</i> Presl in Hoa Binh province, Vietnam: Distribution, antimicrobial activity and, genetic features	13		J. Gen. Appl. Microbiol./IS SN:1349- 8037	SCIE/ IF: 1.442, Q3	6	DOI:10.232 3/jgam.2019 .04.004	2019
229	Improvement of biomass production in transgenic <i>Melia azedarach</i> L.	8	X	Turk.J. Bot./ISSN:13 03-6106	SCIE/ IF: 1.109, Q3	1	doi:10.3906/ bot-1808-47	2019

	plants by the expression of a <i>GA20-oxidase</i> gene							
230	Occurrence of endophytic bacteria in Vietnamese Robusta coffee roots and their effects on plant parasitic nematodes	10	X	Symbiosis/IS SN:0334-5114	SCIE/ IF: 1.780, Q1	10	doi:10.1007/s13199-019-00649-9	2019
231	A Plant-Based Artificial Haemagglutinin (A/H5N1) Strongly Induced Neutralizing Immune Responses in Mice	7	X	Appl. Sci. /ISSN:2076-3417	SCIE/ IF: 2.474, Q2	1	9(21):4605 DOI: 10.3390/app 9214605	2019
232	Characterization of Endophytic <i>Streptomyces griseorubens</i> MPT42 and Assessment of Antimicrobial Synergistic Interactions of its Extract and Essential Oil from Host Plant <i>Litsea cubeba</i> (PDF) Characterization of Endophytic <i>Streptomyces griseorubens</i> MPT42 a	13		Antibiotics/IS SN:2079-6382	SCIE/ IF: 3.893, Q1	6	8, 197; doi:10.3390/ antibiotics8 040197	2019
233	Isolation of endophytic fungi and screening of Huperzine A-producing fungus from <i>Huperzia serrata</i> in Vietnam	6		Sci. Rep./ISSN:2045-2322	SCIE/ IF: 3.998, Q1	12	9, 16152 https://doi.org/10.1038/s41598-019-52481-2	2019
234	Nghiên cứu trình tự gen mã hóa cho yếu tố phiên mã OsERF922 ở một số giống lúa Việt Nam	5		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 73 7266 9			510-514	2019
235	Thiết lập hệ thống cảm ứng rễ tơ trên giống đậu tương Việt Nam và sử dụng trong đánh giá hoạt động của cấu trúc chuyển gen	6		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 73 7266 9			483-487	2019
236	Đánh giá một số hoạt tính sinh học mới của hợp chất 9-hydroxycanthin-6-one phân lập từ rễ tơ cây bá bệnh	4		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 73 7266 9			84-86	2019
237	Phân lập và xác định một số loài nấm gây hại trên sâm Ngọc Linh	6		HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 3047 8			150-157	2019
238	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng và sinh tổng hợp cellulase của một số chủng bacillus nội sinh trên cây cà phê	6		HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 3047 8			49-56	2019
239	Bio-functional enhancement of plant based-haemagglutinin by fusion with IgMFc	8	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			18(2),293-305	2020
240	Đánh giá khả năng bảo hộ của gà được tiêm chủng kháng nguyên tái tổ hợp haemagglutinin dung hợp IgMFc có nguồn gốc từ thực vật	9	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			18(3),477-485	2020
241	Nghiên cứu tạo kháng thể đơn dòng đặc hiệu kháng nguyên ompa của vi khuẩn gây bệnh vàng lá gân xanh trên cây có múi	8	X	TC CNSH/ISSN: 1811-4989			18(3), 529-541	2020
242	Whole-Genome Sequencing And De Novo Assembly Of A 2019 Novel Coronavirus (Sars-Cov-2) Strain Isolated In Vietnam	16		TC CNSH/ISSN: 1811-4989			18(2), 197-208	2020
243	Nghiên cứu chuyển gen tạo rễ tơ cây xáo tam phân (<i>Paramignya trimera</i>) thông qua <i>Agrobacterium rhizogenes</i> K599	7		TC KH&CN VN/ISSN: 1859-4794			62 (2),59-68	2020

244	Production of drought tolerant transgenic soybean expressing codA gene under regulation of a water stress inducible promoter	7	X	Pak. J. Bot./ISSN:05 56-3321	SCIE/ IF: 0.800, Q4		52(3):793-799 doi: http://dx.doi.org/10.30848/PJB2020-3(32)	2020
245	RAS/RAF Mutations and Their Associations with Epigenetic Alterations for Distinct Pathways in Vietnamese Colorectal Cancer	5		Pathol. Res. Pract./ISSN:0 344-0338	SCIE/ IF: 2.050, Q3	1	216(4):1528 98 DOI: 10.1016/j.prp.2020.1528 98	2020
246	Efficient Isolation and Long-term Red Fluorescent Nanodiamond Labeling of Umbilical Cord Mesenchymal Stem Cells for the Effective Differentiation into Hepatocyte-like Cells	9		Braz. Arch. Biol. Technol./ISS N:1516-8913	SCIE/ IF: 0.579, Q4		DOI: 10.1590/167 8-4324-2020200082	2020
247	Optimization of in vitro embryo production and zygote vitrification for the indigenous Vietnamese Ban pig: The effects of different in vitro oocyte maturation systems	12		Anim. Sci. J./ISSN:1740- 0929	SCIE/ IF: 1.399, Q2	1	DOI:10.111 1/asj.13412	2020
248	A novel p.A191D matrilin-3 variant in a Vietnamese family with multiple epiphyseal dysplasia: a case report	10		BMC Musculoskelet Disord./ISSN: 1471-2474	SCIE/ IF: 1.879, Q2	1	21(1):216 DOI: 10.1186/s12 891-020-03222-4	2020
249	PIK3CA mutation profiling in Vietnamese patients with breast cancer	5		Meta Gene/ISSN:22 14-5400	SCIE/ IF: 0.880, Q4	0	DOI: 10.1016/j.m gene.2020.1 00709	2020
250	Expression and insecticidal characterization of Cry8Db protein against Lepidoptera Signata Fabricius	7		Plant Cell Biotechnol. Mol. Biol./ISSN:09 72-2025	SCOPUS/ IF: 0.240, Q4	0	21(14):27- 36	2020
251	Immunization with the H5N1 Recombinant Vaccine Candidate Induces High Protection in Chickens against Vietnamese Highly Pathogenic Avian Influenza Virus Strains	9		Vaccines/ISS N:2076-393X	SCIE/ IF: 4.086, Q2	5	8(2):159 DOI: 10.3390/vac cines802015 9	2020
252	Phylogenetic relationship of Paramignya trimera and its relatives: an evidence for the wide sexual compatibility	4		Sci. Rep./ISSN:20 45-2322	SCIE/ IF: 3.998, Q1	0	DOI:10.103 8/s41598- 020-78448- 2	2020
253	Immunization with Plant-Derived Multimeric H5 Hemagglutinins Protect Chicken against Highly Pathogenic Avian Influenza Virus H5N1	13		Vaccines/ISS N:2076-393X	SCIE/ IF: 4.086, Q2	4	8(4):593 DOI: 10.3390/vac cines804059 3	2020
254	Plant-Derived Trimeric CO-26K-Equivalent Epitope Induced Neutralizing Antibodies Against Porcine Epidemic Diarrhea Virus	9	X	Front. Immunol./ISS N:1664-3224	SCIE/ IF: 5.085, Q1	3	DOI: 10.3389/fim mu.2020.02 152	2020
255	CRISPR/Cas9-Mediated Knockout of Galactinol Synthase-Encoding Genes Reduces Raffinose Family Oligosaccharide Levels in Soybean Seeds	13	X	Front. Plant Sci./ISSN:166 4-462X	SCIE/ IF: 4.402, Q1	1	DOI: 10.3389/fpls .2020.61294 2	2020

256	LED Lights Promote Growth and Flavonoid Accumulation of <i>Anoectochilus roxburghii</i> and Are Linked to the Enhanced Expression of Several Related Genes	10	X	Plants/ISSN:223-7747	SCIE/ IF: 2.762, Q1	6	9(10), 1344; doi:10.3390/plants9101344w	2020
257	Đánh giá đa dạng di truyền quần thể mắm biển (<i>Avicennia marina</i>) tại vùng ven biển Nam Trung Bộ Việt Nam bằng chỉ thị SSR	9		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 974 562 1			149-155	2020
258	Nghiên cứu đặc điểm sinh học của một số chủng vi sinh vật có hoạt tính kháng nấm phân lập từ cây Sâm Ngọc Linh	6		HNKHCNSH TQ/ISBN: 978 604 974 562 1			364-370	2020
259	Ảnh hưởng của chế phẩm HTD-CNSH- CF lên sinh trưởng cây cà phê	8		HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 3239 7			243-248	2020
260	Nghiên cứu khả năng lây nhiễm của một số chủng nấm phân lập từ lá đậu tương bị bệnh phấn trắng	7		HTQG Bệnh hại thực vật VN/ISBN: 978 604 60 3239 7			127-134	2020
261	Thiết kế vector mang cấu trúc rna mã hóa protein vỏ của virus gây bệnh xanh lùn (CLRVD) trên cây bông	2		TC KH&CN , ĐH TN/ISSN:185 9-2171			226(05),87 - 94	2021
262	Ảnh hưởng của một số yếu tố đến hiệu quả chuyển gen <i>codA</i> vào giống đậu tương ĐT22	5	X	TC KH&CN , ĐH TN/ISSN:185 9-2171			225(11), 121 - 127	2021
263	Population genetic data of 22 autosomal STR loci for the Mong people in Vietnam	6	X	Leg. Med./ISSN:13 44-6223	SCIE/ IF: 1.195, Q2	0	48(3):10182 5 DOI:10.1016/j.legalmed.2020.10182 5	2021
264	Sustainable cultivation via waste soybean extract for higher vaccenic acid production by purple non-sulfur bacteria	10		Clean Technol. Envir./ISSN:1 618-9558	SCIE/ IF: 2.429, Q2	0	23:103–112 https://doi.org/10.1007/s10098-020-01966-0	2021
265	Metagenomic 16S rDNA amplicon data of microbial diversity of guts in Vietnamese humans with type 2 diabetes and nondiabetic adults	6		Data Brief/ISSN: 2352-3409	SCIE/ IF: 0.970, Q4	1	34(106690) DOI:10.1016/j.dib.2020.106690	2021
266	Diversity of microbial community and its metabolic potential for nitrogen and sulfur cycling in sediments of Phu Quoc island, Gulf of Thailand	15		Braz. J. Microbiol./IS SN1517-8382	SCIE/ IF: 2.428, Q3	0	https://doi.org/10.1007/s42770-021-00481-8	2021
267	Plant-derived bioactive compounds produced by <i>Streptomyces variabilis</i> LCP18 associated with <i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers as potential target to combat human pathogenic bacteria and human cancer cell lines	12		Braz. J. Microbiol./IS SN1517-8382	SCIE/ IF: 2.428, Q3	0	https://doi.org/10.1007/s42770-021-00510-6	2021
268	Complete chloroplast genome of novel <i>Adrinandra megaphylla</i> Hu species: molecular structure, comparative and phylogenetic analysis	9		Sci. Rep./ISSN:20 45-2322	SCIE/ IF: 3.998, Q1	0	DOI:10.1038/s41598-021-91071-z	2021

269	Effects of Size and Surface Properties of Nanodiamonds on the Immunogenicity of Plant-Based H5 Protein of A/H5N1 Virus in Mice	15	X	Nanomaterials 2021, 11, 1597.	SCIE/ IF: 5.076, Q1	0	https://doi.org/10.3390/nano11061597	2021
270	Massively parallel sequencing of human skeletal remains in Vietnam using the precision ID mtDNA control region panel on the Ion S5™ system	10	X	Int. J. Legal. Med./ISSN:1437-1596	SCIE/IF: 2.222, Q1	0	DOI: 10.1007/s00414-021-02649-1	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS: Ứng viên đã công bố được 58 bài trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong đó có 22 bài là tác giả liên hệ/tác giả chính

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Kit PCR đa môi dung để chẩn đoán vi khuẩn lao Mycobacterium tuberculosis	Cục Sở hữu trí tuệ	2012	Đồng tác giả	7
2	Giải pháp hữu ích “Xây dựng qui trình chuyển gen vào cây cam canh thông qua Agrobacterium tumefaciens”	Cục Sở hữu trí tuệ	2014	Đồng tác giả	6
3	Quy trình điều khiển thời điểm ra hoa của cây hoa cúc bằng hệ thống đèn điốt phát quang	Cục Sở hữu trí tuệ	2018	Đồng tác giả	3
4	Quy trình tạo rễ tơ từ thân rễ sâm Ngọc Linh (Panax vietnamensis Ha et Grushv.) nhờ vi khuẩn Agrobacterium rhizogenes	Cục Sở hữu trí tuệ	2018	Đồng tác giả	4
5	Chủng vi nấm Penicillium reticulisporum TSP41 thuần khiết về mặt sinh học có khả năng sinh tổng hợp hoạt chất Huperzin A	Cục Sở hữu trí tuệ	2020	Đồng tác giả	3

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế
1	Khung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, Khoa Công nghệ sinh học (Chuyên ngành: Sinh học thực nghiệm)	Chủ trì	- Biên bản Hợp HĐ Khoa CNSH về xây dựng khung chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ -Tờ trình số 07/KCNSH ngày 11/8/2017 đề nghị phê duyệt khung chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ	Học viện Khoa học và Công nghệ	Quyết định số: 1008/QĐ-HVKHCN ngày 26/10/2017
2	Khung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Khoa Công nghệ sinh học.	Chủ trì	- Biên bản Hợp HĐ Khoa CNSH về xây dựng khung chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ -Tờ trình số 01/KCNSH ngày 5/5/2017 đề nghị phê duyệt khung chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ	Học viện Khoa học và Công nghệ	Quyết định số: 236/QĐ-HVKHCN ngày 22/5/2017

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:
Không thay thế

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28... tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Chu Hoàng Hà